

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/DS-ST

Ngày 26-5-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng;

Ông Nguyễn Hoàng Dân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh X, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Số 134C, đường BL, khóm 6, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đặng Minh H, sinh năm 1980; Cư trú tại: Số 24, đường 3/2, khóm 5, phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022 - Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh năm 1984.

Cư trú tại: Số 197, Lê Lợi, khóm 1, phường 2, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hồ Minh T, sinh năm 1983; Cư trú tại: Số 197, Lê Lợi, khóm 1, phường 2, thành phố M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Đặng Minh H trình bày:

Do chỗ bạn bè thân thiết nên ngày 13/01/2021 (dương lịch) ông Huỳnh Thanh X có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Hồ Minh T mượn số tiền 250.000.000 đồng (vay không lãi), thỏa thuận thời hạn trả ngày 13/02/2022. Mục đích bà G và ông T vay tiền là để đáo hạn nợ Ngân hàng. Khi vay bà G có viết biên nhận nợ ngày 13/01/2021 và ký ghi họ tên. Ông T không ký tên trong biên nhận nhưng ông T biết việc bà G vay tiền và mục đích vay tiền là dùng chung trong gia đình. Đến hạn trả tiền ngày 13/02/2021 như thỏa thuận

nhưng bà G và ông T không thanh toán, ông X yêu cầu trả nhiều lần nhưng phía bà G, ông T hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Nên nay ông X khởi kiện yêu cầu bà G cùng ông T liên đới thanh toán cho ông toàn bộ số tiền nợ vay vốn gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/02/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022 với mức lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền là 31.955.000 đồng.

*Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồ Minh T:*

Mặc dù, bà G và ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập xét xử theo quy định pháp luật, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà G và ông T vắng mặt không có lý do. Bà G, ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hồ Minh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà G, ông T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp được xác định là tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh G có nơi cư trú tại phường 2, thành phố M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Hồ Minh T trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn nợ là 250.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ ngày 14/02/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền là 31.955.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh X về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ vốn là 250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông X với bà G, ông T là hợp đồng vay tiền không lãi. Thỏa thuận vay trên là hợp pháp và hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung G dịch không trái pháp luật. Khi vay tiền bà G có viết biên nhận mượn tiền vào ngày 13/01/2021 (dương lịch), bên vay tên Nguyễn Thị Huỳnh G và Nguyễn Hồ Minh T. Cuối biên nhận bà G có ký tên và ghi rõ họ tên. Thời hạn thanh toán là ngày 13/02/2021. Cho nên nghĩa vụ của bên vay là bà G, ông T phải trả đủ tiền khi đến hạn. Nhưng bà G, ông T không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện buộc trả nợ vay là có căn cứ.

Hơn nữa bà G, ông T vắng mặt tại phiên tòa xét xử, cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đến ngày xét xử bà G, ông T chỉ có đơn xin hoãn phiên hòa giải và hoãn xét xử lần 01 nhưng không có văn bản ý kiến gì đối

với yêu cầu của nguyên đơn. Cho nên, căn cứ vào các chứng cứ chứng minh mà nguyên đơn cung cấp hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng minh việc bà G, ông T có vay tiền và nợ tiền của nguyên đơn là sự thật. Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu trả lại số tiền vốn vay là có căn cứ.

[2.2] Về trách nhiệm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bà G, ông T cùng liên đới thanh toán số tiền nợ vay 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay tiền mặc dù ông T không ký vào biên nhận, nhưng bên mục tên vay có ghi ông Nguyễn Hồ Minh T, và mục đích bà G vay tiền là đáo nợ ngân hàng, nợ chung của bà G với ông T. Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với số nợ trên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T và bà G có trách nhiệm thanh toán nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu bà G, ông T toán tiền lãi tính từ 14/02/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/5/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền là 31.955.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tiền giữa ông X với bà G, ông T là hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận lãi suất. Bà G, ông T không trả nợ theo thỏa thuận thì phải trả lãi suất với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là 10%/năm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà G và ông T trả lãi với số tiền 31.955.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Huỳnh Thanh X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 464, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Hồ Minh T liên đới thanh toán cho ông Huỳnh Thanh X số tiền vay còn nợ tổng cộng là 281.955.000 đồng (*Hai trăm tám mươi một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó vốn gốc 250.000.000 đồng và nợ lãi là 31.955.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Huỳnh Thanh X không phải chịu. Ngày 16/3/2022 ông X có tạm ứng án phí số tiền 6.897.000 đồng, theo biên lai thu số 0001025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Huỳnh G và ông Nguyễn Hồ Minh T phải chịu là 14.097.000 đồng (chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
( Đã ký)

**Phạm Kim Cương**